

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH ngày 22/5/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Chương trình số 12-CTr/TU ngày 30/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/8/2022 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 05 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ tình hình và điều kiện thực tế của tỉnh, UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 – 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình), trên cơ sở bám sát, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với công tác giảm nghèo, xác định giảm nghèo nhằm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng có hoàn cảnh khó khăn khác; là điều kiện để bảo đảm cho sự phát triển ổn định, bền vững và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh trong những năm tới;

- Xác định cụ thể các nội dung công việc, cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, địa phương và sự tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh trong việc triển khai thực hiện các hoạt động của Chương trình;

- Kế hoạch là căn cứ để các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể, xác định nhiệm vụ trọng tâm, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

2. Yêu cầu

- Xác định nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực các cơ quan, đơn vị, địa phương; sự tham gia của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh trong triển khai thực hiện Chương trình;

- Công tác giảm nghèo phải xác định đúng địa chỉ, nguyên nhân, nguyện vọng, thực chất, không chạy theo thành tích. Giảm dần đầu tư trực tiếp, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng, nhóm hộ có liên kết, theo chuỗi giá trị, các dự án giảm nghèo hiệu quả; trọng tâm đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cho xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và biên giới; hỗ trợ cải thiện, nâng cao mức sống cho hộ nghèo không có khả năng lao

động để đảm bảo an sinh xã hội; đồng thời, có chính sách khuyến khích, động viên hộ nghèo có ý chí vươn lên thoát nghèo bền vững;

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững phải được các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện thường xuyên, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở với nội dung, hình thức phù hợp từng địa bàn; tăng cường xã hội hóa công tác giảm nghèo; huy động sức mạnh của toàn xã hội cùng với sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước, kết hợp chặt chẽ giữa kế hoạch giảm nghèo với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình giai đoạn 2021 - 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Chỉ tiêu chung của tỉnh

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều chung toàn tỉnh giảm bình quân từ 1,5 - 2,0%/năm;
- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân từ 3,0 - 4,0%/năm;
- Phấn đấu 50% huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo;
- Tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo giảm bình quân từ 4,0 - 5,0%/năm.

2.2. Chỉ tiêu đối với huyện phấn đấu thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn (huyện M'Đrăk)

- Tỷ lệ nghèo đa chiều (gồm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều) giảm bình quân từ 6,0 - 7,0%/năm;
- Quy mô hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều cuối kỳ giảm so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 là 60%;
- Đến năm 2025, thu nhập của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo thuộc phạm vi Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ, phấn đấu tăng 1,8 lần so với năm 2020.

3. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2025

3.1. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Phấn đấu giảm 1/2 số hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều;
- 100% các huyện nghèo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm:

đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi; trong đó, ưu tiên các công trình giao thông, hạ tầng điện, thủy lợi;

- Phân đầu hỗ trợ xây dựng, nhân rộng 100 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

- Phân đầu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập;

- Phân đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm ổn định;

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

3.2. Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- Chiều thiếu hụt về việc làm: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm; tối thiểu 5.000 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công; tối thiểu 2.000 người lao động thuộc các huyện nghèo được hỗ trợ đào tạo; trong đó, có khoảng 600 người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (ít nhất 80% hộ gia đình có người đi làm việc ở nước ngoài sẽ thoát nghèo); hỗ trợ khoảng 600 người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận;

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo xuống dưới 34%;

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo: Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 90%; tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 30%, trong đó có bằng, cấp chứng chỉ đạt 15%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp;

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Phân đầu 2.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững;

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh;

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi điều chỉnh: Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, trọng tâm là các huyện nghèo.

2. Đối tượng áp dụng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn thuộc các huyện nghèo;

- Các huyện nghèo (gồm 02 huyện Ea Súp và M'Drăk);

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến hết năm 2025.

IV. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

1.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

a) Mục tiêu: Xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn các huyện nghèo; hỗ trợ các địa bàn nghèo phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b) Đối tượng: Gồm 02 huyện nghèo Ea Súp và M'Drăk.

c) Nội dung hỗ trợ: Đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện nghèo, cụ thể:

- Hoạt động 01: Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, thiết yếu trên địa bàn huyện nghèo (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã)

phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm:

- + Các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất;
- + Các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia;
- + Các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia;
- + Các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân;
- + Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất;
- + Các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao;
- + Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội khác do cộng đồng người nghèo trên địa bàn huyện nghèo đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa, dân tộc, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

Công trình đầu tư phải đảm bảo tính kết nối về giao thông, kinh tế, xã hội để hỗ trợ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và dịch vụ, cải thiện tiếp cận các dịch vụ cơ bản liên xã, giữa xã với huyện hoặc kết nối huyện với các khu vực trung tâm, vùng động lực phát triển.

Công trình đầu tư phải phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, dân tộc thiểu số, phụ nữ.

- Hoạt động 02: Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các huyện nghèo.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 486.515,5 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 436.352 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 396.717 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 39.635 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 47.963,5 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 44.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 3.963,5 triệu đồng);

- Vốn huy động hợp pháp khác: 2.200 triệu đồng.

đ) Tổ chức thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- UBND huyện Ea Súp và M'Drăk xây dựng, tổng hợp danh mục các công trình hạ tầng đầu tư trên cơ sở kế hoạch của UBND cấp xã và quy hoạch của địa phương, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn đối với những công trình do cấp xã làm chủ đầu tư, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- UBND cấp xã xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn hằng năm, giai đoạn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo, hướng dẫn cộng đồng đề xuất công trình hạ tầng cần đầu tư, duy tu bảo dưỡng; thực hiện các nội dung được giao theo thẩm quyền.

1.2. Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

a) Mục tiêu: Hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo giai đoạn 2022 - 2025; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng: Huyện nghèo đăng ký kế hoạch thoát khỏi tình trạng nghèo giai đoạn 2022 - 2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nội dung hỗ trợ: Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm một số công trình, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) nhằm tạo sự đột phá, thúc đẩy hiệu quả phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập cho người dân theo Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo giai đoạn 2022 - 2025.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 73.100 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 66.000 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 60.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 6.000 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 6.600 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 6.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 600 triệu đồng);

- Vốn huy động hợp pháp khác: 500 triệu đồng.

đ) Tổ chức thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- UBND huyện nghèo đăng ký kế hoạch thoát khỏi tình trạng nghèo giai đoạn 2022 - 2025 xây dựng kế hoạch thoát nghèo; xây dựng, tổng hợp danh mục các công trình hạ tầng đầu tư trên cơ sở kế hoạch của UBND cấp xã và quy hoạch của địa phương, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn đối với những công trình do cấp xã làm chủ đầu tư, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- UBND cấp xã xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn hằng năm, giai đoạn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo, hướng dẫn cộng đồng đề xuất công trình hạ tầng cần đầu tư; thực hiện các nội dung được giao theo thẩm quyền.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững,

thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn huyện nghèo; mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện;

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh;

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 219.458,8 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 197.508 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 19.750,8 triệu đồng;

- Vốn huy động hợp pháp khác: 2.200 triệu đồng.

đ) Tổ chức thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban và đơn vị liên quan hướng dẫn cơ sở xây dựng dự án, hỗ trợ thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- UBND cấp xã hướng dẫn cộng đồng xây dựng dự án để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, chỉ đạo và hỗ trợ thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả theo quy định;

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

- Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định;

- Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng;

- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 95.411,5 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 85.465 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 8.546,5 triệu đồng;

- Vốn huy động hợp pháp khác: 1.400 triệu đồng;

đ) Tổ chức thực hiện:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban và đơn vị liên quan hướng dẫn cơ sở xây dựng dự án, hỗ trợ thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- UBND cấp xã hướng dẫn cộng đồng xây dựng dự án để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, chỉ đạo và hỗ trợ thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả theo quy định;

3.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

b) Đối tượng:

- Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

- Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 24.860 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 22.600 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 2.260 triệu đồng;

- Vốn huy động hợp pháp khác: 0 đồng.

đ) Tổ chức thực hiện:

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất. Căn cứ vào thực trạng tình hình dinh dưỡng và điều kiện thực tế của địa phương cũng như các định hướng của các Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 để xây dựng kế hoạch hành động của tỉnh đến năm 2025

trình UBND tỉnh phê duyệt. Sở Y tế phối hợp với các sở, đơn vị liên quan để lồng ghép và huy động nguồn lực từ các chương trình khác;

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Đối tượng:

- Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp;

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan;

- Các sở, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh;

- Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn tỉnh;

- Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh;

- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 258.175,6 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 237.796 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 94.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 143.796 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 20.379,6 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 6.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 14.379,6 triệu đồng);

- Vốn huy động hợp pháp khác: 0 triệu đồng.

đ) Tổ chức thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

4.2 Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Mục tiêu: Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động trên địa bàn huyện nghèo.

b) Đối tượng:

- Người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, cư trú trên địa bàn các huyện nghèo (không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030); ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

- Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Người lao động sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động;

- Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 7.420,6 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 6.746 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 674,6 triệu đồng;
- Vốn huy động hợp pháp khác: 0 đồng.

đ) Phân công thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- UBND huyện Ea Súp và M'Drăk chỉ đạo các phòng, ban và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

b) Đối tượng:

- Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

- Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

- Các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc;

- Hỗ trợ giao dịch việc làm;

- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác;

- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động;

- Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.
- d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 73.336,2 triệu đồng, trong đó:
 - Ngân sách trung ương: 64.942 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 21.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 43.942 triệu đồng);
 - Ngân sách địa phương: 8.394,2 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 4.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 4.394,2 triệu đồng);
 - Vốn huy động hợp pháp khác: 0 triệu đồng.
- đ) Tổ chức thực hiện:
 - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;
 - UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

- a) Mục tiêu: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.
- b) Đối tượng:
 - Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021 - 2025) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện nghèo và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm;
 - Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác.
- c) Nội dung hỗ trợ: Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m² “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.
- d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 248.146 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:
 - Ngân sách trung ương: 202.860 triệu đồng;
 - Ngân sách địa phương: 20.286 triệu đồng;
 - Vốn huy động hợp pháp khác: 25.000 triệu đồng.
- đ) Phân công thực hiện:
 - Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra,

giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- UBND huyện Ea Súp và M'Drăk chỉ đạo các phòng, ban và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

6.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Mục tiêu:

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin;

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương;

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững;

- Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

b) Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

- Các huyện nghèo (gồm 02 huyện Ea Súp và M'Drăk);

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông;

- Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới;

- Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đồn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội;

- Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 8.930,9 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 8.119 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 811,9 triệu đồng;
- Vốn huy động hợp pháp khác: 0 đồng.

đ) Phân công thực hiện:

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

6.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) Đối tượng:

- Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình;
- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững;

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo;

- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững;

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo;

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

- Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 12.435,5 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 11.305 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 1.130,5 triệu đồng;

- Vốn huy động hợp pháp khác: 0 đồng.

đ) Phân công thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

7.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) Đối tượng:

- Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, buôn, tổ dân phố, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Kế hoạch, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 35.235,2 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 32.032 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 3.203,2 triệu đồng;
- Vốn huy động hợp pháp khác: 0 đồng.

đ) Phân công thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Mục tiêu:

- Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình;

- Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

b) Đối tượng:

- Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ

chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện;

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất;

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

d) Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 18.701,1 triệu đồng (Vốn sự nghiệp), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 17.001 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 1.700,1 triệu đồng;

- Vốn huy động hợp pháp khác: 0 đồng.

đ) Phân công thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất;

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban và đơn vị liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 là 1.561.726,9 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 1.388.726 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 571.717 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 817.009 triệu đồng);

- Vốn ngân sách địa phương: 141.700,9 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 60.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 81.700,9 triệu đồng);

- Vốn huy động hợp pháp khác: 31.300 triệu đồng.

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về nguyên tắc thực hiện Chương trình

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện nghèo; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Quy định cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện một số hoạt động của Chương trình bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm, điều kiện huyện nghèo; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí; không sử dụng vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên;

- Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân;

- Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, các vùng miền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh;

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

2. Về giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực

- Ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng;

- Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của các địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng;

- Lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo nói chung với các dự án, nội dung thuộc Chương trình trên địa bàn tỉnh; ưu tiên tại các huyện nghèo.

3. Về cơ chế quản lý, thực hiện

- Ban chỉ đạo các cấp: Kiện toàn hoặc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Về cơ chế thực hiện

- + Cơ chế đặc thù thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2020/N-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- + Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình. Khuyến khích, mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân trên địa bàn nghèo thông qua các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất;

+ Thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giảm nghèo về thông tin và truyền thông về giảm nghèo đa chiều; tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, quản lý mô hình, dự án sinh kế; cơ chế hỗ trợ trực tiếp cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người học nghề thuộc đối tượng của Chương trình;

+ Áp dụng thống nhất các cơ chế, quy trình trong thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình; ưu tiên lựa chọn các nội dung hỗ trợ có định mức cao hơn; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng;

+ Trên cơ sở tổng nguồn lực được giao, địa phương sẽ chủ động bố trí ngân sách, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình đề ra;

+ Áp dụng cách tiếp cận giảm nghèo dựa vào cộng đồng; mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động của Chương trình; bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện Chương trình.

4. Về công tác tuyên truyền

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của dân tộc ta đối với người nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” trên địa bàn tỉnh.

5. Nguồn nhân lực thực hiện Chương trình

Sử dụng cán bộ hội, đoàn thể ở cấp xã có trình độ chuyên môn, kiến thức thực tiễn, có năng lực vận động quần chúng làm công tác viên giảm nghèo để giúp Ban quản lý các Chương trình mục tiêu cấp xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn. Mỗi xã, phường, thị trấn một công tác viên, mức hỗ trợ hàng tháng cho công tác viên giảm nghèo cấp xã do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và địa phương tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và địa phương trên cơ sở quy định của trung ương xây dựng Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025;

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định;

- Chủ trì xây dựng phương án giao chỉ tiêu phân đầu, nhiệm vụ cụ thể hằng năm, giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương triển khai thực hiện;

- Chủ trì, trực tiếp quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Dự án 1, Dự án 2, Dự án 4, Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 và Dự án 7;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương; tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất về UBND tỉnh; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành liên quan.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình; tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình vào kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 vào kế hoạch hằng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm;

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn bổ sung cho Chương trình bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch hằng năm, tổng hợp kinh phí chi sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) để đảm bảo hoạt động của Chương trình;

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cân đối, bố trí vốn sự nghiệp và kế hoạch bổ sung vốn cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm;

- Chủ trì hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình.

4. Các sở, ban, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần

- Chủ trì, hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm đối với Dự án, Tiểu dự án thành phần thuộc lĩnh vực quản lý, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định;

- Lập kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định;

- Hướng dẫn các địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện Dự án, Tiểu dự án thành phần thuộc Kế hoạch được phân công chủ trì;

- Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ngành, địa phương;

- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, rà soát, quyết định hoặc hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và sở, ban, ngành có liên quan, địa phương tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, Dự án, Tiểu dự án thành phần của Kế hoạch chủ trì theo quy định, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh;

- Xây dựng và hướng dẫn cơ chế huy động thêm nguồn lực để thực hiện Dự án, Tiểu dự án thành phần thuộc lĩnh vực quản lý.

5. Các sở, ban, ngành liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai các nội dung trong kế hoạch, tích cực tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Nghiên cứu, lồng ghép thực hiện Chương trình với các chương trình, dự án, đề án khác được giao bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Kiện toàn hoặc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện giai đoạn 2021 - 2025;

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm;

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện Chương trình;

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát;

- Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các phòng, ban, đơn vị liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở;

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể xã hội và Nhân dân trên địa bàn trong việc thực hiện Chương trình; khen thưởng, động viên và nhân rộng những mô hình điển hình tiên tiến, gương nỗ lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương; tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất về UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị chủ trì các Dự án, Tiểu dự án thành phần theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 – 2025, các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện; định kỳ 06 tháng, hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành có liên quan theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KGVX (N- 5b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

H'Yim Kđoh